

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định về thu phí qua Phà Đồng Tháp**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2014/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định khung mức thu, chế độ thu, nộp đối với các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thu phí qua Phà Đồng Tháp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định mức thu phí qua Phà Đồng Tháp.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Đồng Tháp;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH-NStrong

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Châu Hồng Phúc**

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**QUY ĐỊNH**  
**Về thu phí qua Phà Đồng Tháp**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND  
ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng áp dụng**

Người và các phương tiện tham gia giao thông đường bộ khi qua Phà Đồng Tháp (gồm: Phà Cao Lãnh, Phà Sa Đéc - Bình Thạnh), kể cả người và phương tiện nước ngoài.

**Điều 2. Đối tượng được miễn**

1. Xe cứu thương; cứu hỏa; xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dùng phục vụ cho quốc phòng, an ninh; đoàn xe đưa tang; đoàn xe có hộ tống, dẫn đường; xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hoá đến những nơi bị thảm họa hoặc vùng có dịch bệnh.

2. Thương, bệnh binh; học sinh; trẻ em dưới 10 tuổi. Khi qua phà, các trường hợp này phải xuất trình các giấy tờ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực) cần thiết như: thẻ thương binh, bệnh binh hoặc giấy chứng nhận đối với thương binh, bệnh binh; thẻ học sinh hoặc giấy chứng nhận của nhà trường đối với học sinh; giấy khai sinh đối với trẻ em.

**Điều 3. Đối tượng mua vé tháng**

1. Đối tượng áp dụng: xe gắn máy, xe mô tô 02 bánh, xe điện 02 bánh, xe ô tô dưới 16 chỗ ngồi trở xuống.

2. Thời gian áp dụng: vé tháng được phát hành trong tháng, kể từ ngày 01 đến ngày kết thúc tháng theo thời hạn ghi trên vé, không phân biệt thời gian ban ngày hay ban đêm.

**Chương II**  
**MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ CHỨNG TỪ THU PHÍ**

**Điều 4. Mức thu**

Số TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Vé lượt</b>			
1	Xe mô tô 2 bánh, xe gắn máy, xe điện 2 bánh và các loại xe tương tự	đồng/lượt	5.000	Tính chung cho người, xe và hàng hóa trên xe
2	Xe thô sơ	đồng/lượt	6.000	
3	Xe ô tô dưới 12 ghế ngồi, xe lam và các loại xe tương tự	đồng/lượt	25.000	
4	Xe chở hàng có tải trọng dưới 03 tấn	đồng/lượt	25.000	
5	Xe khách từ 12 ghế ngồi đến dưới 16 ghế ngồi; xe chở hàng tải trọng từ 03 tấn đến dưới 07 tấn	đồng/lượt	35.000	
6	Xe khách từ 16 ghế ngồi đến dưới 30 ghế ngồi	đồng/lượt	50.000	
7	Xe khách từ 30 ghế ngồi trở lên	đồng/lượt	60.000	
8	Xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng từ 07 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/lượt	60.000	
9	Xe chở hàng trọng tải từ 10 tấn đến 16 tấn	đồng/lượt	70.000	
<b>II</b>	<b>Vé bao phà</b>			
1	Phà từ 40 tấn đến 60 tấn	đồng/chuyến	200.000	
2	Phà 100 tấn	đồng/chuyến	300.000	
<b>III</b>	<b>Vé tháng</b>			
1	Xe mô tô 02 bánh, xe gắn máy, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự	đồng/xe	120.000	Tính chung cho người, xe và hàng hóa trên xe
2	Xe ô tô dưới 16 chỗ ngồi trở xuống	Mức thu bằng 30 lần giá vé lượt đối với từng đối tượng tương ứng		

## **Điều 5. Chứng từ thu phí**

Đơn vị thu phí phải sử dụng biên lai thu phí do cơ quan thuế in ấn, cấp phát và thực hiện các quy định về quản lý sử dụng biên lai theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí; Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ.

Khi thu phí phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí; nghiêm cấm việc thu phí không sử dụng biên lai hoặc biên lai không đúng quy định.

## **Điều 6. Quản lý và sử dụng tiền phí**

Việc quản lý và sử dụng tiền phí thu được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí, lệ phí; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

Đơn vị tổ chức thu phí phải mở tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để theo dõi, quản lý tiền phí thu được. Định kỳ hàng tuần phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” và phải tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

## **Điều 7. Chế độ kế toán**

1. Đơn vị tổ chức thu phí phải mở sổ sách, chứng từ kế toán theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền phí thu được theo đúng quy định về chế độ kế toán, thống kê của Nhà nước.

2. Định kỳ phải báo cáo quyết toán việc thu, nộp sử dụng số tiền phí thu được theo quy định của Nhà nước.

3. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo qui định của pháp luật.

4. Thực hiện công khai mức thu phí tại nơi thu phí.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 8.** Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện thu phí theo quy định.

**Điều 9.** Cơ quan Thuế địa phương nơi đơn vị thu đóng trụ sở có trách nhiệm cấp biên lai thu phí cho đơn vị thu; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền phí theo đúng chế độ quy định.

**Điều 10.** Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý, thu, nộp phí đảm bảo đúng qui định; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Châu Hồng Phúc**